TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH
Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 25-7-2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH - TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Cao Sơn

Ông Phan Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hòa, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 25 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 04/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- **Ông Nguyễn Đình T**; Sinh ngày: 02/10/1957; Địa chỉ cư trú: Số 15T, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai - *Có mặt*

- **Ông Nguyễn Đình S**; Sinh ngày: 10/01/1959; Địa chỉ cư trú: phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*; Người đại diện ủy quyền của ông S: Ông Nguyễn Đình T; Địa chỉ cư trú: Số 15T, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 31/8/2018) – *Có mặt*

- **Bà Nguyễn Thị L**; Sinh ngày: 10/10/1964; Địa chỉ cư trú: Số 15T, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – *Vắng mặt*; Người đại diện ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Đình T; Địa chỉ cư trú: Số 15T, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 17/7/2018) – *Có mặt*

- **Bà Nguyễn Thị L1**; Sinh ngày: 18/8/1966; Địa chỉ cư trú: 15/8A, tổ 13, khu phố 3, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – *Vắng mặt*; Người đại diện ủy quyền của bà L1: Ông Nguyễn Đình T; Địa chỉ cư trú: Số 15T, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2018) – *Có mặt*

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình L2; Sinh ngày: 10/01/1972; Địa chỉ cư trú: phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*; Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Văn C; Địa chỉ: Văn phòng luật sư A- số 58 đường N thành phố H tỉnh Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2019) – *Vắng mặt*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Bà Nguyễn Thị T1**; Sinh ngày: 11/11/1975; Địa chỉ cư trú: phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*; Người đại diện ủy quyền của bà T1: Ông Phan Văn C; Địa chỉ: Văn phòng luật sư A- số 58 đường N thành phố H tỉnh Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2019) – *Vắng mặt*

- **Anh Nguyễn Đình C1**; Sinh ngày: 20/10/1982; Địa chỉ cư trú: Số 15T, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Cụ Nguyễn Đình Đ và cụ Lê Thị Đ1 kết hôn năm 1956, quá trình chung sống có 5 con chung gồm: ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Đình L2. Ngày 31/12/1997 cụ Nguyễn Đình Đ chết không để lại di chúc; Ngày 17/9/2008 cụ Lê Thị Đ1 chết có để lại di chúc. Di sản 02 cụ Đ và cụ Đ1 để lại gồm có: 01 ngôi nhà gỗ ba gian; Thửa đất số 558 tờ bản đồ 01 tại khối phố 8, phường Đ, thành phố H tỉnh Hà Tĩnh (đất ở và đất vườn); Thửa đất số 374 tờ bản đồ số 3, thửa đất số 351 tờ bản đồ số 2, thửa đất số 557 tờ bản đồ số 1, thửa đất số 700 tờ bản đồ số 1 (đất nông nghiệp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 342361 cấp ngày 16/11/1996 mang tên chủ hộ Nguyễn Đình Đ. Tại Bản án sơ thẩm số 03/2013/DSST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh và Bản án phúc thẩm số 06/2014/DSPT ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định chia thừa kế đối với di sản bà Đ1 để lại là ½ diện tích thửa đất số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối 8, phường Đ thành phố Hà Tĩnh. Nay các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản cụ Nguyễn Đình Đ để lại là ½ diện tích thửa đất số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối 8, phường Đ thành phố Hà Tĩnh, trong đó trừ lại 125m2 để làm nơi thờ tự, còn lại chia đều bằng hiện vật cho 5 đồng thừa kế, cụ thể: Phần diện tích đất chưa chia 113,2m^2 giáp với đất của bà Nguyễn Thị L chia cho bà Nguyễn Thị L, nếu theo kỹ phần bà L được hưởng nhiều hơn 113,2m2 thì diện tích đất chênh lệch bà L yêu cầu chia đều cho ông S, ông T và bà L1 được hưởng; chia cho anh L2 phần đất tiếp giáp với đất anh L2; Đất thờ tự tiếp giáp với phần đất anh L2 được chia; chia đất bà L1 tiếp giáp với phần đất thờ tự; chia cho ông S tiếp giáp với phần đất của bà L1; chia cho ông T phần đất nằm giữa đất bà L1 được chia và thửa đất do UBND phường đang quản lý. Nếu bị đơn không chấp nhận trích 125m2 để làm đất thờ tự thì nguyên đơn đề nghị trích đất của 4 đồng nguyên đơn gồm ông T, ông S,

bà L, bà L1 mỗi người 25m2, tổng là 100m2 đề làm đất thờ tự. Đối với căn nhà gỗ 3 gian nằm trên thửa đất số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối phố 8, phường Đ, thành phố H tỉnh Hà Tĩnh do cụ Đ và cụ Đ1 để lại, mặc dù không có giá trị kinh tế nhưng là kỷ vật của cha mẹ để lại nên các đồng nguyên đơn đề nghị công nhận đó là tài sản chung của các đồng thừa kế để di dời sang phần đất thờ tự sử dụng làm nhà thờ tự. Đối với đất nông nghiệp do cụ Đ và cụ Đ1 để lại đề nghị công nhận đó là tài sản chung của các đồng thừa kế.Về các tài sản nằm trên ½ thửa đất do cụ Đ để lại: các đồng nguyên đơn chấp nhận thanh toán giá trị tường rào trên đất được chia, còn cây cối không chấp nhận thanh toán. Đối với kỷ phần thừa kế cụ Đ1 được hưởng, các đồng nguyên đơn đề nghị chia tỷ lệ theo "Giấy thừa kế" do cụ Đ1 để lại tức là chia cho ông L2 1/3, bà L 1/6, anh C1 1/6, còn lại 1/6 làm nhà thờ và 1/6 cụ Đ1 chưa định đoạt chia đều cho 5 người gồm ông T, ông S, ông L2, bà L và bà L1.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Đình L2 thống nhất với lời khai của nguyên đơn về thời gian cụ Đ chết, không để lại di chúc, những người thuộc diện thừa kế. Người đại diện ủy quyền của ông L2 và bà T1 trình bày: Trong số 681,7 m2 đất chưa chia thuộc thửa số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối 8, phường Đ thành phố Hà Tĩnh thì có một phần diện tích đất nằm phía tây mảnh vườn là do quá trình sử dụng đất ông L2 và bà T1 khai hoang thêm, phần này ông L2 và bà T1 đề nghị công nhận ông L2 và bà T1 được quyền quản lý sử dụng, phần diện tích còn lại của thửa đất ông L2 đề nghị chia thừa kế theo pháp luật trong đó có tính công duy trì quản lý và tôn tạo di sản của ông L2 và bà T1 bằng một kỹ phần thừa kế. Ông L2 đề nghị chia bằng hiện vật, về vị trí đất được chia, ông L2 có nguyện vọng được chia phần diện tích đất phía tây mảnh vườn (giáp đất UBND phường Đại Nài quản lý). Đối với đề nghị của nguyên đơn về việc trích đất thờ tự thì bị đơn không đồng ý. Đối với các tài sản trên đất gồm cây cối và tường rào đều do ông L2 và bà T1 tạo lập nên đề nghị các đồng thừa kế thanh toán giá trị tài sản trên đất cho vợ chồng ông L2 và bà T1. Đối với ngôi nhà gỗ 3 gian là tài sản của ông L2 và bà T1 tạo lập nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn công nhận đó là tài sản chung. Đối với đất nông nghiệp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Năm 2000 bà T1 kết hôn với ông Nguyễn Đình L2. Quá trình chung sống trên thửa đất số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối 8, phường Đ thành phố Hà Tĩnh bà T1 đã cùng với ông L2 thuê người đổ đất, san lấp nâng vườn. Quá trình quản lý đất bà T1 và ông L2 tạo lập các tài sản gắn liền với đất. Nay bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc các đồng nguyên đơn phải thanh toán công sức quản lý, duy trì, tôn tạo đối với thửa đất số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối 8, phường Đ thành phố Hà Tĩnh và giá trị tài sản gắn liền với đất do ông L2 bà T1 tạo lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình C1 trình bày: Anh C1 là con trai của ông Nguyễn Đình T, là cháu đích tôn của cụ Nguyễn Đình Đ và cụ Lê Thị Đ1. Nếu anh C1 được chia thừa kế thì anh có nguyện vọng kỷ phần thừa kế của anh giao cho ông Nguyễn Đình T được hưởng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung vụ án như sau: Căn cứ các điều 636, 637, 638, 678, 679, 688 của Bộ luật Dân sự năm 1995; các điều 631, 634, 648, 671, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 468, 623, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chia thừa kế theo pháp luật 681,4m^2 đất thửa số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối 8, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh cho các đồng thừa kế ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Đình L2 như sau: Ông Nguyễn Đình T được quyền quản lý, sử dụng 140,69m^2, trị giá 239.173.000đ; Ông Nguyễn Đình S được quyền quản lý, sử dụng 122,61m^2, trị giá 208.437.000đ; Bà Nguyễn Thị L1 được quyền quản lý, sử dụng 122,61m^2, trị giá 208.437.000đ; Ông Nguyễn Đình L2 được quyền quản lý, sử dụng 182,3m^2, trị giá 309.910.000đ; Bà Nguyễn Thị L được quyền quản lý, sử dụng đất 113,2m^2, trị giá 192.440.000đ.

Đối với tường rào do ông L2 bà T1 xây dựng, nếu ai được chia vào phần nào thì được quyền sử dụng phần đó nhưng phải có trách nhiệm thanh toán cho ông L2 bà T1 giá trị bằng tiền; Đối với cây cối do ông L2 và bà T1 trồng trên đất: buộc ông L2 bà T1 phải có trách nhiệm di dời những cây cối có trên phần diện tích đất chia cho các đồng thừa kế khác.

Ngôi nhà gỗ 3 gian lợp ngói nằm trên thửa đất số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối 8, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh đã khấu hao hết, giao cho ông Nguyễn Đình T có trách nhiệm di dời sang phần diện tích đất thờ tự để làm nhà thờ.

Không chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn về việc công nhận đất sản xuất nông nghiệp thửa 374 tờ bản đồ số 3, thửa 351 tờ bản đồ số 2, thửa 557 tờ bản đồ số 1, thửa 700 tờ bản đồ số 1 là tài sản chung của các đồng thừa kế

Về án phí: Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; khoản 2, 3 điều 92, khoản 2 Điều 147; điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình S được miễn án phí, ông L2, bà L, bà L1 phải chịu án phí dân sự đối với phần di sản được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Các đồng nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế. Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bất động sản tranh chấp tại thành phố Hà Tĩnh nên theo điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Theo quy định tại khoản 1 điều 623 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Cụ Nguyễn Đình Đ chết ngày 31/12/1997, đến ngày 26/11/2018 ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1 (con của cụ Đ) khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia thừa kế nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Đ vẫn còn.

- Bị đơn ông Nguyễn Đình L2; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 và người đại diện theo ủy quyền của họ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình C1 có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của họ.

[2] Xét vợ chồng cụ Nguyễn Đình Đ và cụ Lê Thị Đ1 có 5 con chung gồm: ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Đình L2. Cụ Nguyễn Đình Đ chết ngày 31/12/1997, cụ Lê Thị Đ1 chết ngày 17/9/2008. Khi chết cụ Đ không để lại di chúc nên thuộc trường hợp chia thừa kế theo pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 điều 678 Bộ luật Dân sự năm 1995. Theo quy định tại khoản 1 điều 636, khoản 1 điều 638, điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì cụ Lê Thị Đ1, ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Đình L2 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Đình Đ nên được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Đ để lại.

[3] Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 558, tờ bản đồ số 01 tại khối phố 8 phường Đ thành phố Hà Tĩnh của cụ Nguyễn Đình Đ và cụ Lê Thị Đ1 do cha ông để lại, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/11/1996. Thửa đất theo Bản đồ 299 đo vẽ băn 1981 và Sổ mục kê có số thửa 850 tờ bản đồ 01 có diện tích 1332m^2 mang tên ông Đ; theo Bản đồ 371 đo vẽ năm 1992 có số thửa 558 tờ bản đồ 01 có diện tích 1376m^2 mang tên chủ hộ Nguyễn Đình Đ. Ông L2 bà T1 khai có một phần diện tích đất nằm phía tây mảnh vườn (giáp đất UBND phường quản lý) do ông L2 và bà T1 khai hoang thêm và đề nghị công nhận phần diện tích khai hoang thêm đó ông L2 và bà T1 được quyền quản lý sử dụng, tuy nhiên ông L2 và bà T1 không có tài liệu chứng cứ chứng minh, so sánh bản đồ 371 đo vẽ năm 1992 (thời điểm cụ Đ và cụ Đ1 chưa chết) và thời điểm hiện nay thì diện tích thửa đất bị giảm đi, do vậy ông L2 bà T1 khai có khai hoang mở rộng vườn là không có căn cứ, không được chấp nhận. Tại Bản án sơ thẩm số 03/2013/DSST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh và Bản án phúc thẩm số 06/2014/DSPT ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định chia thừa kế đối với di sản của bà Lê Thị Đ1 là 681,7m^2 đất (½ diện tích toàn bộ thửa đất) thuộc thửa số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối 8, phường Đ thành phố Hà Tĩnh, ½ diện tích đất còn lại theo quy định tại điều 637 Bộ luật Dân sự năm 1995 là di sản của cụ Đ để lại chưa chia. Do cụ Đ chết không có di chúc nên di sản của cụ Đ được chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 điều 678 Bộ luật Dân sự năm 1995, các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất

còn lại chưa chia của thửa số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối 8, phường Đ thành phố Hà Tĩnh được chấp nhận. Xét các đồng nguyên đơn yêu cầu trích đất làm nơi thờ tự nhưng tất cả các đồng thừa kế không thống nhất trích đất để thờ tự nên không chấp nhận yêu cầu trích đất thờ tự của các đồng nguyên đơn. Về công sức đóng góp duy trì, bảo quản, tôn tạo tài sản: Sau khi cụ Đ và cụ Đ1 chết, vợ chồng ông L2 bà T1 có công sức trông coi quản lý mảnh vườn, vì vậy xét công sức đóng góp của vợ chồng ông L2 nên chia cho ông L2 kỹ phần nhiều hơn các đồng thừa kế khác.

[4] Các đương sự đều có yêu cầu được chia đất để sử dụng, theo quy định tại khoản 2 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì di sản thừa kế của cụ Đ chia được bằng hiện vật, nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 02/4/2019 thì phần đất chưa chia của thửa đất trên có diện tích 681,4m^2, trị giá 1.700.000đ/m^2, gồm 02 phần: Phần thứ nhất nằm phía đông của mảnh vườn, có diện tích 113,2m^2, tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông khối phố, phía Nam giáp đất sản xuất nông nghiệp, phía Đông giáp đường đất khối phố và đất sản xuất nông nghiệp, phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị L; Phần thứ hai nằm phía tây của mảnh vườn, có diện tích 568,2m^2, tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông khối phố, phía Nam giáp mương thoát nước, phía Đông giáp đất ông Nguyễn Đình L2, phía Tây giáp đất UBND phường quản lý. Trên đất chưa chia có nhiều cây cối nằm rải rác. Bao quanh vườn phía Bắc có tường xây gạch, phía Tây có tro tre. Tính công sức đóng góp của vợ chồng ông L2 nên chia cho ông L2 hơn các đồng thừa kế khác 30,4m^2. Còn lại 651m^2 chia làm 6 phần cho vợ và các con thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: cụ Đ1, ông T, ông S, bà L, bà L1, ông L2, mỗi người được hưởng kỹ phần thừa kế là 108,5m^2. Do cụ Đ1 đã chết nên đối với kỷ phần của cụ Đ1 được hưởng 108,5m^2 các đồng nguyên đơn đề nghị chia tỷ lệ theo "Giấy thừa kế" do cụ Đ1 để lại tức là chia cho ông L2 1/3, bà L 1/6, anh C1 1/6, còn lại 1/6 làm nhà thờ do không đủ hạn mức để tách thửa và 1/6 cụ Đ1 chưa định đoạt chia đều cho ông T, ông S, ông L2, bà L và bà L1 là phù hợp quy định tại các điều 631, 634, 648, 671, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận. Như vậy, trong số 108,5m^2 của cụ Đ1 thì ông L2 được hưởng 43,4m^2, bà L được hưởng 25,32m^2, anh C1 được hưởng 18,08m^2, ông T, ông S và bà L1 mỗi người được hưởng 7,23m^2. Xét anh C1 đề nghị chia phần diện tích của anh C1 cho bố anh là ông Nguyễn Đình T được hưởng là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Như vậy, ông T được hưởng 133,81m^2, bà L được hưởng 133,83m^2, ông S và bà L1 mỗi người được hưởng 115,73m^2, ông L2 được hưởng 182,3m^2. Xét bà Nguyễn Thị L có nguyện vọng được chia 113,2m^2 đất nằm phía đông của mảnh vườn, giáp đất bà Nguyễn Thị L đã được chia thừa kế của cụ Đào để nhập lại làm 1 thửa là hợp lý, hợp tình nên chấp nhận yêu cầu của bà L. Đối với phần diện tích đất chênh lệch theo kỹ phần được chia là 20,63m^2, bà L đề nghị chia đều cho ông T, ông S, bà L1 nên chấp nhận sự tự nguyện của bà L, chia cho ông T, ông S, bà L1 mỗi người được hưởng thêm 6,88m^2. Như vậy, ông T được hưởng 140,69m^2, ông S và bà L1 mỗi người được hưởng 122,61m^2, bà L được hưởng 113,2m^2, ông L2 được hưởng 182,3m^2.

[5] Xét ông Nguyễn Đình L2 có nguyện vọng được chia vị trí đất ngoài cùng, nằm phía tây, giáp đất UBND phường quản lý, tuy nhiên xét ông L2 hiện đang quản lý sử dụng phần diện tích đất nằm ở giữa vườn nên chia cho ông L2 phần diện tích đất giáp với đất của ông Nguyễn Đình L2 đã được chia thừa kế của cụ Đ1 để nhập thành 01 thửa là hợp lý hợp tình. Đối với phần còn lại chia cho bà Nguyễn Thị L1 tiếp giáp với phần đất chia cho ông L2; chia cho ông Nguyễn Đình S tiếp giáp với phần đất chia cho bà L1; chia cho ông T phần đất nằm giữa đất chia cho ông S và thửa đất do UBND phường đang quản lý là hợp lý hợp tình.

[6] Đối với tài sản trên đất: Ngày 02/4/2019 qua xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã xác định trên diện tích đất chưa chia của thửa đất số 558, tờ bản đồ số 01 tại khối phố 8 phường Đ thành phố Hà Tĩnh có 21,89m tường rào trị giá 7.294.000đ ở phía bắc và cây cối nằm rải rác trên đất gồm 26 cây mưng, 3 cây xoài, 2 cây xoan đâu và 175 cây tre có tổng trị giá 5.150.000đ. Tường rào do ông L2 bà T1 xây dựng, nếu ai được chia vào phần nào thì được quyền sử dụng phần đó nhưng phải có trách nhiệm thanh toán cho ông L2 bà T1 giá trị bằng tiền; Đối với cây cối do ông L2 và bà T1 trồng trên đất: khi nghị án, Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để tiến hành thẩm định tại chỗ, định vị cụ thể có bao nhiêu cây, những loại cây nào trên diện tích đất dự kiến chia cho từng người để buộc ai được hưởng những cây nào thì phải thanh toán cho ông L2 và bà T1 giá trị cây đó nhưng ông L2 và bà T1 mặc dù đã được thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, khóa cổng nên Hội đồng xét xử không tiến hành thẩm định được, vì vậy buộc ông L2 bà T1 phải có trách nhiệm di dời những cây cối có trên phần diện tích đất chia cho các đồng thừa kế khác.

[7] Xét ngôi nhà gỗ 3 gian lợp ngói nằm trên diện tích đất đã chia thừa kế tại bản án số 03/2013/DSST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh của thửa đất số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối 8 phường Đ thành phố Hà Tĩnh: các đồng nguyên đơn khai là tài sản do cụ Đ và cụ Đ1 tạo lập, ông L2 bà T1 khai của ông L2 bà T1 xây dựng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Qua cuộc họp lấy ý kiến các hộ dân cư trú cùng thời điểm tại tổ liên gia 2 thuộc khối 8 phường Đ thành phố Hà Tĩnh thì ngôi nhà gỗ 3 gian lợp ngói nêu trên do cụ Nguyễn Đình Đ và cụ Lê Thị Đ1 xây dựng lên. Như vậy, ngôi nhà gỗ là di sản của cụ Đ và cụ Đ1 để lại, chưa chia thừa kế cho ai. Qua thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì ngôi nhà này đã khấu hao hết, không còn giá trị kinh tế nên không chia thừa kế. Xét nguyện vọng của các đồng nguyên đơn ngôi nhà là kỷ vật của cha mẹ để lại nên di dời sang phần đất thờ tự để làm nhà thờ là hợp tình hợp lý. Vì vậy, giao ngôi nhà gỗ nói trên cho con trai cả là ông Nguyễn Đình T có trách nhiệm di dời sang phần diện tích đất thờ tự để làm nhà thờ.

[8] Xét đất sản xuất nông nghiệp: Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Đại Nài thành phố Hà Tĩnh ngày 04/5/2019 thì hộ cụ Nguyễn Đình Đ được giao quản lý sử dụng các thửa: Thửa đất số 374 tờ bản đồ số 3, thửa đất số 351 tờ bản đồ số 2, thửa đất số 557 tờ bản đồ số 1, thửa đất số 700 tờ bản đồ số 1 với thời hạn sử dụng 20 năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 16/11/1996. Đến thời

điểm hiện nay đã hết thời hạn sử dụng đất nhưng gia đình chưa có ai đến kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 điều 170 Luật đất đai. Như vậy, các thửa đất nông nghiệp nêu trên hiện nay không thuộc quyền quản lý sử dụng hợp pháp của hộ gia đình cụ Nguyễn Đình Đ nên không chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn về việc công nhận các thửa đất nông nghiệp nêu trên là tài sản chung của các đồng thừa kế.

[9] Xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[10]Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Ông Nguyễn Đình T đã nộp đủ và không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải trả lại nên miễn xét.

[11]Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Đình S là người cao tuổi theo quy định tại điều 2 Luật người cao tuổi ; căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí cho ông T và ông S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 636, 637, 638, 678, 679, 688 của Bộ luật Dân sự năm 1995 ; các điều 631, 634, 648, 671, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 468, 623, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điều 2 Luật người cao tuổi; khoản 2, 3 điều 92, khoản 2 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Xác định di sản cụ Nguyễn Đình Đ để lại là 681,4m^2 đất thuộc thửa số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối 8, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có trị giá 1.158.380.000đ.

2. Chia thừa kế theo pháp luật 681,4m^2 đất thửa số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối 8, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh cho các đồng thừa kế ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Đình L2 như sau (có sơ đồ kèm theo):

- Ông Nguyễn Đình T được quyền quản lý, sử dụng đất lô thứ nhất (S1) có diện tích 140,69m^2, trị giá 239.173.000đ, có tứ cận: phía Bắc giáp đường bê tông khối phố dài 4,43m, phía Nam giáp mương thoát nước dài 6.01m, phía Tây giáp đất UBND phường quản lý dài 19,48m + 3,94m, phía Đông giáp lô thứ hai (S2) dài 24,32m;

- Ông Nguyễn Đình S được quyền quản lý, sử dụng đất lô thứ hai (S2) có diện tích 122,61m^2, trị giá 208.437.000đ, có tứ cận: phía Bắc giáp đường bê tông khối phố dài 4,58m, phía Nam giáp mương thoát nước dài 5,41m, phía Tây giáp lô S1 của ông Nguyễn Đình T dài 24,32m, phía Đông giáp lô thứ ba (S3) dài 25,48m;

- Bà Nguyễn Thị L1 được quyền quản lý, sử dụng đất lô thứ ba (S3) có diện tích 122,61m^2, trị giá 208.437.000đ, có tứ cận: phía Bắc giáp đường bê tông khối phố dài 4,13m, phía Nam giáp mương thoát nước dài 5,45m, phía Tây giáp lô S2 của ông Nguyễn Đình S dài 25,48m, phía Đông giáp lô thứ tư (S4) dài 26,69m;

- Ông Nguyễn Đình L2 được quyền quản lý, sử dụng đất lô thứ tư (S4) có diện tích 182,3m^2, trị giá 309.910.000đ, có tứ cận: phía Bắc giáp đường bê tông khối phố dài 6,51m, phía Nam giáp mương thoát nước dài 7,09m, phía Tây giáp lô S3 của bà Nguyễn Thị L1 dài 26,69m, phía Đông giáp đất của ông Nguyễn Đình L2 được chia theo bản án số 03/2013/DSST dài 28,23m;

- Bà Nguyễn Thị L được quyền quản lý, sử dụng đất lô thứ năm (S5) có diện tích 113,2m^2, trị giá 192.440.000đ, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường bê tông khối phố dài 2,24m, phía Nam giáp đất sản xuất nông nghiệp; phía Tây giáp đất của bà Nguyễn Thị L được chia theo bản án số 03/2013/DSST dài 26,26m, phía Đông giáp đường đất khối phố dài 2,13m + 6,6m và giáp đất sản xuất nông nghiệp dài 21,34m;

Ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Đình L2 có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất;

Ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1 được quyền sở hữu phần tường rào có trên phần đất được chia và có nghĩa vụ thanh toán giá trị tường rào cụ thể như sau : Ông Nguyễn Đình T phải thanh toán số tiền 1.476.000đ, ông Nguyễn Đình S phải thanh toán số tiền 1.526.000đ, bà Nguyễn Thị L phải thanh toán số tiền 746.000đ, bà Nguyễn Thị L1 phải thanh toán số tiền 1.376.000đ cho ông Nguyễn Đình L2 và bà Nguyễn Thị T1.

Ông Nguyễn Đình L2 và bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm di dời cây cối có trên các lô đất S1, S2, S3, S5 chia cho ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1 và bàn giao đất đã chia cho các đồng thừa kế khác.

Ngôi nhà gỗ 3 gian lợp ngói nằm trên diện tích đất đã chia cho các đồng thừa kế tại bản án số 03/2013/DSST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh thuộc thửa số 558 tờ bản đồ số 01 tại khối 8, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh đã khấu hao hết, giao cho ông Nguyễn Đình T có trách nhiệm di dời sang phần diện tích đất thờ tự để làm nhà thờ.

3. Không chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn về việc công nhận đất sản xuất nông nghiệp thửa 374 tờ bản đồ số 3, thửa 351 tờ bản đồ số 2, thửa 557 tờ bản đồ số 1, thửa 700 tờ bản đồ số 1 là tài sản chung của các đồng thừa kế.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 9.659.000đ, bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 10.490.000đ, ông Nguyễn Đình L2 phải chịu 15.495.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Đình S được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Đình T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.900.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001082 ngày 04/12/2018 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh.

Các đồng nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền